

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 25 -11-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Từ Văn Nhứt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 15/6/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 27 tháng 11 năm 2014. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan

điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân hai năm. Nay chị D nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Nguyễn Văn T có một đứa con chung, cháu tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2015 hiện tại cháu Đình T sống chung với anh T. Nay chị D đồng ý để cho anh T tiếp tục nuôi cháu Đình T, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 10 năm 2020 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D, anh có ý kiến như sau: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D; Về con chung: anh T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Đình T và không có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T;

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng anh, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T xác định có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 27 tháng 11 năm 2014 cho thấy hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cãi nhau và từ đó vợ chồng đã ly thân, nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T xác định trong quá trình chung sống anh, chị có một đứa con chung, cháu tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2015 hiện tại cháu Đình T sống chung với anh T. Nay anh T có yêu cầu nuôi cháu Đình T, không có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, chị D đồng ý, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh, chị.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị D chịu 300.000đ.

[7] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T;

[2] Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết;

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Do chị Nguyễn Thị D đã dự nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003250, ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Từ Văn Nhứt